TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/DS-PT
Ngày 11/01/2024
"V/v Yêu cầu bồi thường thiệt hại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các thẩm phán: Ông Trần Duy Phương, ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên toà: Bà Khổng Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Xuân Linh Byă- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 438/2023/DS – PT ngày 22/11/2023 về việc: "Yêu cầu bồi thường thiệt hại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2023/DS-ST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân huyện K, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 435/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần C (Trước đây là Công ty C, Công ty TNHH MTV C); địa chỉ: K, Quốc lộ B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Huyền T, chức vụ: Tổng giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Nhị H, sinh năm: 1976; địa chỉ: K, Quốc lộ B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1 (tên gọi khác Nguyễn Mạnh T2); địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Y Ku Niê S; địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị M; địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Nhị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 30/3/2007 & 28/4/2010 & 8/10/2014Công ty Cổ phần Cà phê P – Bên giao khoán và ông Nguyễn Mạnh T2(Nguyễn Văn T1) - Người nhận khoán đã ký các Hợp đồng về việc giao – nhận khoán vườn cà phê chi tiết như sau:

(1) Hợp đồng số: 29.Đ3 , mã lô: E09Đơn vị Đội 3, diện tích: 1,10 ha. Thời hạn Hợp đồng từ ngày 30/3/2007ngày 31/3/2020. (viết tắt HĐ giao khoán số 29)

(2) Hợp đồng số: 28.Đ3/HĐCF, mã lô: E16Đơn vị Đội 3, diện tích: 0,72ha. Thời hạn Hợp đồng từ ngày 28/4/2010ngày 31/3/2020. (viết tắt HĐ giao khoán số 28)

(3) Hợp đồng số: 41/ATGK, mã lô: E13-1Đơn vị An Thịnhdiện tích: 0,57ha. Thời hạn Hợp đồng từ ngày 8/12/2014ngày 31/3/2020. (viết tắt HĐ giao khoán số 41).

Trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng, hai bên đã thực hiện nghiêm túc, đúng đủ toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng nêu trên.

Ngày 31/3/2020 Hợp đồng hết hiệu lực, Công ty Cổ phần C thực hiện các thủ tục như mời làm việc với ông Nguyễn Mạnh T2 để thỏa thuận gia hạn Hợp đồng hoặc thanh lý Hợp đồng để Công ty Cổ phần C thu hồi vườn cây. Tuy nhiên ông Nguyễn Mạnh T2 không đồng ý gia hạn cũng như không hợp tác để thanh lý Hợp đồng. Theo đó, từ ngày 31/3/2020 đến nay ông Nguyễn Mạnh T2 tiếp tục quản lý, sử dụng chiếm giữ diện tích đất nhận khoán và vườn cây trên đất, để chăm sóc và hưởng lợi toàn bộ 100% giá trị vườn cây giao khoán. Vì nhận thức toàn bộ vườn cây là tài sản của mình nên Công ty Cổ phần C vẫn tiếp tục thực hiện việc tưới nước, bón phân mặc dù ông T2 từ chối việc nhận phân bón đầu tư vào vườn cây và Công ty Cổ phần C vẫn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất cho Nhà nước.

Công ty Cổ phần C đã thể hiện rõ ý chí và thiện chí của mình về việc thanh lý Hợp đồng giao khoán khi hết hạn để thu hồi vườn cây giao khoán thuộc tài sản của Công ty Cổ phần C để đầu tư và chăm sóc thu lợi. Đồng thời, Công ty Cổ phần C nhận thức rõ ràng rằng, quyền lợi ích hợp pháp của mình đang bị xâm

phạm một cách nghiêm trọng, gây thiệt hại về quyền về tài sản đối với vườn cây trên đất. Công ty Cổ phần C hoàn toàn không thu được bất kỳ lợi tức nào từ vườn cây mà ông Nguyễn Mạnh T2 đang chiếm đoạt kể từ ngày Hợp đồng hết hạn. Trong khi, đối với các vườn cây có tính chất tương tự, Công ty Cổ phần C đang giao khoán cho các hộ nhận khoán và thu sản lượng khoán đầy đủ.

Vì những lý do trên, Công ty Cổ phần C làm đơn khởi kiện và đơn yêu sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Mạnh T2 bồi thường cho Công ty Cổ phần C1 thiệt hại do hành vi chiếm giữ trái phép đất và vườn cây của Công ty Cổ phần C từ ngày 31/12/2020 đến ngày khởi kiện tạm tính là 10/01/2023. Cụ thể yêu cầu như sau:

- Yêu cầu Ông T2 bồi thường toàn bộ sản lượng cà phê tương ứng với sản lượng mà các hộ nhận khoán khác phải nộp cho Công ty Cổ phần C kể từ ngày 31/12/2020 đến nay. Chi tiết:

+ Nợ sản lượng vụ 2020-2021 là: 17.424 kg cà phê quả tươi, trong đó sản lượng khoán 17.119 kg cà phê quả tươi, sản lượng bảo vệ là: 305 kg cà phê quả tươi.

+ Nợ sản lượng vụ 2021-2022 là: 13.465 kg cà phê quả tươi, trong đó sản lượng khoán 15.924 kg cà phê quả tươi, sản lượng bảo vệ là: 120 kg cà phê quả tươi, trừ phân bón quy ra sản lượng là 2.579kg cà phê tươi. Sản lượng vụ 2021-2022 thu bằng sản lượng các hộ gia hạn (được giảm 500kg cà phê quả tươi so với vụ 2020-2021 và sản lượng quy từ phân bón.

+ Nợ sản lượng vụ 2022-2023 là: 8.355 kg cà phê quả tươi. Sản lượng vụ 2022-2023 thu bằng sản lượng các hộ gia hạn.

Tổng sản lượng cà phê Công ty Cổ phần C yêu cầu ông T2 phải trả là: (38.829 kg + 425kg nợ bảo vệ) = 39.254 kg cà phê.

- Nợ đầu tư cây bơ tính đến hết mùa vụ năm 2019: 8.469.014 đồng.

- Công ty Cổ phần C hoàn trả tiền phân bón mùa vụ 2020-2021 cho ông T2 số tiền là: 19.655.655 đồng.

Đề nghị tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Y Ku Niê S trình bày:

Đối chiếu theo hợp đồng giao nhận khoán thì hợp đồng đã hết hiệu lực từ ngày 31/3/2020, trước khi hết hạn hợp đồng bản thân tôi cùng các hộ dân khác đã có rất nhiều đơn kiến nghị đề nghị gửi đến Công ty Cổ phần C và các cấp ban

ngành có thẩm quyền. Ngày 12/8/2021 tôi cùng gần 200 hộ dân nhận khoán đã có đơn kiến nghị gửi đến Công ty Cổ phần C để trình bày tâm tư nguyện vọng của mình để Công ty Cổ phần C lập dự thảo phương án tiếp tục thực hiện hợp đồng sau khi thanh lý cho phù hợp với thực tế canh tác, đơn kiến nghị là để hai bên cùng trao đổi, lắng nghe trên tinh thần ý chí tự nguyên dân chủ và các bên cùng có lợi, tránh đơn phương áp đặt từ một phía.

Đến ngày 28/9/2021, chúng tôi nhận được thông báo số: 194/TB-CPPA của công ty cổ phần C về việc trả lời đơn kiến nghị của 181 hộ dân nhận khoán vườn cà phê vùng A (đã gửi cho tòa án) sau khi nhận được thông báo trả lời trên chúng tôi đã có đơn kiến nghị trình bày lý do nhưng phía Công ty Cổ phần C vẫn phớt lờ.

Trong nhiều đơn chúng tôi đã gửi đến Công ty Cổ phần C và chúng tôi có trình bày tâm tư nguyện vọng cụ thể như sau:

Áp dụng sản lượng nộp khoán, các khoản đầu tư theo hợp đồng đã hết thời hạn hết hiệu lực là không hợp lý không phù hợp với thực tế hiện nay.

Nếu hai bên không tổ chức được việc trao đổi bàn bạc thảo luận để thỏa thuận và thống nhất thì:

+ Khoản đầu tư: Chúng tôi tự đầu tư 100% không nhận một khoản đầu tư nàu từ phía công ty

+ Về sản lượng: 100% sản lượng chúng tôi tự thu hoạch mang về tự chế biến bảo quản và tiêu thụ.

+ Về bảo vệ: Chúng tôi tự dựng lán, chòi tự bảo vệ sản phẩm của mình

+ Về trách nhiệm và nghĩa vụ: - Về tưới nước: Chúng tôi thanh toán đúng đợt tưới và đủ số tiền khi có thông báo của Công ty Cổ phần C.

- Về tiền thuê đất: Chúng tôi chấp hành và thực hiện nộp đúng và đủ số tiền đất như mức giá quy định hợp đồng thuê đất của tỉnh Đắk Lắk cũng như của nhà nước được quy định khi có cơ sở thông báo của Công ty Cổ phần C (nếu có).

* Đối với việc Công ty Cổ phần C ra quyết định và thông báo

Theo các nghị quyết số 06 ngày 26/3/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần C về việc phê duyệt chủ trương thanh lý và gia hạn hợp đồng giao khoán vườn cây cà phê tại cùng A, quyết định này mang tính chất nội bộ không thông qua rộng rãi và không gửi cho các hộ dân nhận khoán để nắm bắt

Đối với thông báo số 202/TB-CCPA ngày 27/3/2022 của Công ty Cổ phần C về thanh lý hợp đồng

+ Về thanh lý hợp đồng: Công ty Cổ phần C thanh toán công chăm sóc vườn cây từ ngày 20/01/2020 đến ngày 31/3/2020 với số tiền 10.200.00 đ/ héc ta là không thực hiện đúng nội dung hợp đồng năm 1997, không thanh toán hoàn trả giá trị tài sản trên đất mà chúng tôi được thụ hưởng;

+ Về gia hạn hợp đồng, thời hạn gia hạn là 01 năm tính từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/03/2021 sản lượng nộp cho Công ty Cổ phần C bằng sản lượng vụ 2019-2020 áp dụng theo hợp đồng hết hiệu lực tương ứng với sản lượng mà các hộ dân nhận khán đã ký hợp đồng gia hạn với công ty. Công ty Cổ phần C chỉ cho các hộ dân chọn một trong hai phương án mà Công ty Cổ phần C đưa ra chúng tôi không được bàn bạc đóng góp ý kiến, trong khi chúng tôi có rất nhiều đơn kiến nghị gửi Công ty Cổ phần C cũng như các cơ quan ban ngành nhưng Công ty Cổ phần C không tiếp thu ghi nhận ý kiến.

Trên cơ sở trên chúng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C đưa ra và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Búk giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Về việc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để phong tỏa một phần tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K thì chúng tôi không đồng ý và tiếp tục khiếu nại theo quy định của pháp luật, vì vụ án Công ty Cổ phần C khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hai, chưa được rõ ràng, bên đúng bên sai.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M (Vợ của ông T2) trình bày: Cùng nội dung như bị đơn ông T2 đã trình bày.

Tại Bản án sơ thẩm số 33/2023/DSST ngày 04/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 224, Điều 419, Điều 580, Điều 581 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần C.

1.1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do hành vi chiếm giữ trái phép đất và vườn cây cho Công ty Cổ phần C tổng sản lượng cà phê quả tươi là 38.829 kg (Ba mươi tám nghìn tám trăm hai mươi chín

ki lô gam); Trong đó: sản lượng vụ 2020 – 2021 là 17.119 kg; sản lượng vụ 2021 – 2022 là 13.345 kg và sản lượng vụ 2022 – 2023 là 8.365kg.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần C tiền đầu tư cây bơ tính từ năm 2015 đến hết vụ năm 2019 là 8.469.014 đồng (Tám triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn không trăm mười bốn đồng);

Công ty Cổ phần C có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền phân bón mùa vụ 2020-2021 là: 19.655.655 đồng (Mười chín triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng).

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần C về việc ông Nguyễn Văn T1 phải trả tổng sản lượng bảo vệ 425 kg cà phê quả tươi (Trong đó: 305 kg cà phê quả tươi của vụ 2020-2021 và 120 kg cà phê quả tươi của vụ 2021-2022).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2023/QĐ-BPKCTT ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk *"Phong tỏa một phần số tiền Công ty cổ phần C đã nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk để thi hành theo Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 254/QĐ-CCTHADS ngày 12/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk với số tiền 357.087.840 đồng để đảm bảo cho việc thi hành án"*.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/8/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông T1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bồi thường sản lượng cà phê niên vụ 2022-2023, bác yêu cầu đầu tư cây bơ vượt với số tiền 8.469.014 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy:

Ngày 30/3/2007, 28/4/2010 và ngày 8/10/2014 Công ty Cổ phần C – Bên giao khoán và ông Nguyễn Mạnh ThânVăn T3) - Người nhận khoán đã ký các Hợp đồng về việc giao – nhận khoán vườn cà phê: HĐ số 29, HĐ số 28, HĐ số 41.

Tại Bản án số 167/2022/DSPT ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (viết tắt Bản án số 167) tuyên chấm dứt các HĐ số 29, HĐ số 28, HĐ số 41 đồng thời xử lý hậu quả pháp lý của việc chấm dứt các Hợp đồng trên. Kết quả thi hành Bản án số 167/2022/DSPT ngày 08/9/2022 Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, thấy: Biên bản xác minh ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk có nội dung: Căn cứ bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 28/3/2022 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk và Bản án phúc thẩm số 167/2022/DS-PT ngày 08/9/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đã có hiệu lực, xét đơn yêu cầu Thi hành án của Công ty Cổ phần C. Ngày 09/02/2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk đã ban hành Thông báo số 246/TB-CCTHADS ngày 09/02/2023 về việc giao tài sản (trong đó có tài sản của ông Nguyễn Văn T1) cho người được thi hành án. Ngày 15/02/2023, Công ty cổ phần C đã nộp số tiền 1.118.535.200 đồng vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk để trả cho trả cho ông Nguyễn Văn T1 theo quyết định thi hành án theo yêu cầu số 254/QĐ-CCTHADS 12/01/2023. Công ty Cổ phần C đã nhận đủ tài sản, không có thắc mắc gì.

Như vậy, bản án số 167 đã được Thi hành án. Công ty cổ phần C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông T1 phải bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần C do ông T1 đã có hành vi tự ý chiếm giữ đất và vườn cây, khai thác hưởng toàn bộ hoa lợi, lợi tức từ vườn cây trên diện tích đất giao khoán đối với sản lượng cà phê tươi các niên vụ.

[2.1.1]Xét yêu cầu đối với niên vụ từ 2020 đến niên vụ 2022, thấy rằng: Sau khi hết hạn hợp đồng ông T1 không đồng ý gia hạn và cũng không chịu bàn giao

vườn cây cho Công ty Cổ phần C để Công ty Cổ phần C tiến hành thủ tục thanh lý vườn cây là trái quy định, trái thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền của chủ sở hữu tài sản. Kể từ ngày 01/04/2020 đến khi Bản án số 167 có hiệu lực ông T1 vẫn đang quản lý, chăm sóc và hưởng hoa lợi trên vườn cây và diện tích đất giao khoán. Trong khi các hộ khác tự nguyện ký gia hạn hợp đồng vẫn đóng sản lượng khoán cho Công ty Cổ phần C. Do đó, Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C buộc ông T1 phải bồi thường thiệt hại do hành vi chiếm giữ trái phép đất và vườn cây cho Công ty theo mức sản lượng mà các hộ gia hạn hợp đồng đóng hàng năm từ niên vụ 2020 đến niên vụ 2022 là có căn cứ cần chấp nhận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả cho Công ty cổ phần C sản lượng vụ 2020 - 2021 là 17.119kg cà phê quả tươi; sản lượng vụ 2021 - 2022 là 13.345 cà phê quả tươi; Tổng cộng là 30.464 kg cà phê quả tươi là có căn cứ, phù hợp.

[2.1.2] Xét yêu cầu đối với niên vụ 2022- 2023, thấy rằng: Sau khi Bản án số 167 có hiệu lực, ngày 15/02/2023 Cơ quan Thi hành án đã tổ chức thi hành án, ông T1 đã ký biên bản bàn giao diện tích đất và tài sản trên đất nhận khoán cho Công ty cổ phần C. Do đó, Công ty Cổ phần C yêu cầu ông T1 phải trả sản lượng niên vụ 2022-2023 là không có căn cứ. Việc ông T1 vẫn còn chiếm giữ diện tích đất nhận khoán thuộc trách nhiệm của Công ty Cổ phần C và cơ quan thi hành án. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông T1 phải bồi thường thiệt hại do hành vi chiếm giữ trái phép đất và vườn cho Công ty Cổ phần C theo mức sản lượng 8.355kg cà phê quả tươi, tương đương mức các hộ khác nhận khoán niên vụ 2022-2023 là không có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu đối với tiền đầu tư cây bơ số tiền 8.469.014 đồng phần vượt quá tính từ 2014 đến hết vụ năm 2019, thấy rằng: Tại mục II.2 của phụ lục hợp đồng quy định số 41/PLHĐKT – 2014; phụ lục hợp đồng số 40/PLHĐKT – 2014 ngày 24/6/2014 về Hình thức đầu tư quy định:

" *Tỷ lệ góp vốn: Bên A 20%, Bên B: 80%*

- *Phương thức và tỷ lệ góp vốn:*

+ Căn cứ định mức đầu tư được hai bên quyết toán hàng năm, bên A thanh toán toàn bộ chi phí về: Cây giống, vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công bảo vệ.

+ Bên B chịu 100% chi phí nhân công: Trồng, chăm sóc, thu hoạch.

+ Đối với khoản đầu tư của bên A vượt trên 20% hàng năm được tính lãi suất 10%/năm ghi nợ cho bên B.".

HĐXX thấy, giá trị cây bơ đã được giải quyết tại Bản án số 167. Mặc dù, các bên có thỏa thuận đối với khoản đầu tư của bên A vượt trên 20% hàng năm được tính lãi suất 10%/năm ghi nợ cho bên B. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm

đại diện nguyên đơn trình bày: Theo phụ lục hợp đồng thì Công ty Cổ phần C đầu tư 20% cây giống vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công bảo vệ cho hộ ông T1. Nhưng từ năm 2014 đến năm 2019 Công ty Cổ phần C đã đầu tư vượt quá 20% được thể hiện trong bảng danh sách quyết toán chi phí đầu tư và chăm sóc cây từ năm 2014 cho đến 2019. Tuy nhiên, bảng danh sách quyết toán chi phí đầu tư và chăm sóc cây từ năm 2014 cho đến 2019 do nguyên đơn tự lập không có chữ ký xác nhận của ông T1. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh và không được ông T1 thừa nhận. Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về việc buộc ông T1 phải trả cho Công ty Cổ phần C với số tiền 8.469.014 đồng là không có căn cứ.

[2.3] Xét yêu cầu nguyên đơn Công ty Cổ phần C về việc buộc ông T1 phải trả sản lượng bảo vệ 425kg cà phê quả tươi (Trong đó: 305 kg cà phê quả tươi của vụ 2020-2021 và 120 kg cà phê quả tươi của vụ 2021-2022), thấy rằng: sau khi hết hạn hợp đồng giao khoán, ông T1 tự đầu tư, chăm sóc và bảo vệ vườn cây nên bản án sơ thẩm bác yêu cầu của Công ty Cổ phần C là có căn cứ.

[2.4] Xét yêu cầu của Công ty Cổ phần C về việc Công ty Cổ phần C có nghĩa vụ hoàn trả cho ông T1 số tiền phân bón mùa vụ 2020-2021, thấy: Công ty Cổ phần C chưa chi trả tiền phân bón vụ mùa 2021- 2022 cho ông T1, cấp sơ thẩm buộc Công ty Cổ phần C trả chi phí phân bón vụ mùa 2020-2021 cho ông T1 với số tiền là: 19.655.655 đồng; Trong đó: Tiền gốc: 16.706.100 đồng; Tiền lãi: 2.949.555 đồng là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn:

[3.1] Xét kháng cáo của bị đơn, yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2023/QĐ-BPKCTT ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk (viết tắt Quyết định khẩn cấp tạm thời) thấy rằng: Để bảo đảm công tác thi hành án, Công ty Cổ phần C có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và được cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 10 Điều 114 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu hủy bỏ Quyết định khẩn cấp tạm thời của ông T1.

[3.2] Xét kháng cáo của bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Từ những nhận định, phân tích tại mục [2], HĐXX phúc thẩm xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của ông T1, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên cần sửa án phí lại cho phù hợp. Cụ thể. Ông T1 có nghĩa vụ phải trả cho Công ty Cổ phần C 30.464 kg cà phê quả tươi x giá cà phê tại thời điểm xét xử là 14.166 đồng/kg. Vì vậy bị đơn ông T1 phải chịu 21.262.120 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Công ty cổ phần C phải chịu án phí đối yêu cầu không được chấp nhận là 8.355 kg cà phê quả tươi niên vụ 2022-2023, 425kg cà phê quả tươi sản lượng bảo vệ x giá cà phê tại thời điểm xét xử là 14.166 đồng/kg bằng 124.377.480 đồng, 8.469.014 đồng tiền đầu tư vượt quá cây bơ và 19.655.655 đồng Công ty cổ phần C chi trả tiền phân bón niên vụ 2020-2021. Tổng số tiền Công ty cổ phần C phải chịu án phí là 152.502.149 đồng x 5% bằng 7.625.107 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền 8.927.000 tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0000256 ngày 06/02/2023 do Công ty cổ phần C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk. Công ty cổ phần C được nhận lại 1.301.893 đồng.

[4.2]. Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0004107 ngày 18/8/2023 do ông Nguyễn Văn T1 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk được khấu trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm 21.262.120 đồng. Ông T1 còn phải nộp 20.962.120 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308; điểm e khoản 1 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T1 (Nguyễn Mạnh T3). Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2023/DSST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần C về việc buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả cho Công ty cổ phần C sản lượng cà phê của niên vụ 2020-2021 và 2021- 2022 là 30.464 kg *(Ba mươi nghìn bốn trăm sáu mươi bốn kilôgam)* cà phê quả tươi.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần C2 với các yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả cho Công ty cổ phần C sản lượng niên vụ 2022-2023 là 8.355kg (*Tám nghìn ba trăm năm mươi năm kilôgam)* cà phê quả tươi; Sản lượng bảo vệ 425kg (*Bốn trăm hai mươi lăm kilôgam)* cà phê quả tươi và 8.469.014 đồng *(Tám triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn không trăm mười bốn đồng)* tiền đầu tư cây bơ phần vượt quá tính từ niên vụ 2014 đến hết mùa vụ năm 2019.

Buộc Công ty C phải trả chi phí phân bón vụ mùa 2020-2021 cho ông Nguyễn Văn T1 19.655.655 đồng (*Mười chín triệu sáu trăm năm mười năm nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng)* Trong đó, tiền gốc 16.706.100 đồng *(Mười sáu triệu bảy trăm linh sáu nghìn một trăm đồng)*, tiền lãi 2.949.555 đồng *(Hai triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2023/QĐ-BPKCTT ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk cho đến khi có quyết định thay đổi hủy bỏ theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về án phí:

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Công ty cổ phần C phải chịu 7.625.107 đồng *(Bảy triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn một trăm lẻ bảy đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền 8.927.000 đồng (*Tám triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0000256 ngày 06/02/2023 do Công ty cổ phần C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk. Công ty cổ phần C được nhận lại 1.301.893 đồng *(Một triệu ba trăm lẻ một nghìn tám trăm chín mươi ba đồng).*

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 21.262.120 đồng *(Hai mươi mốt triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn một trăm hai mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

+ Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0004107 ngày 18/8/2023 do ông Nguyễn Văn T1 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk được khấu trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm 21.262.120 đồng *(Hai mươi mốt triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn một trăm hai mươi đồng)*. Ông T1 còn phải nộp 20.962.120 đồng *(Hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn một trăm hai mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TANDCC;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND huyện Krông Búk;*
- *Chi cục THADS H. Krông Búk;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THÀNH VIÊN HĐXX		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Văn Công Dần	**Đinh Thị Tuyết**	**Nguyễn Thị Thu Trang**